



THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ WOORI BANK - DANH SÁCH

MCC LOẠI TRỪ

WOORI VISA DEBIT CARD - MCC EXCLUSION LIST

I - Danh sách MCC loại trừ tích điểm dành cho Thẻ ghi nợ quốc tế Woori Visa Z/ MCC exclusion list of point accumulation for Woori Visa Z Debit Card

Mã MCC/ MCC codes	Miêu tả/ Description
4900	Tiện ích - điện, gas, nước <i>Utilities-electric,gas,water</i>
5944	Cửa hàng vàng bạc đá quý <i>Jewelry Stores, Watches, Clocks, and Silverware Stores</i>
4814	Thanh toán dịch vụ hệ thống công nghệ thông tin và dịch vụ viễn thông <i>Telecommunication services</i>
4899	Dịch vụ thanh toán hóa đơn truyền hình <i>Cable, Satellite and Other Pay Television/Radio/Streaming services</i>
5969	Các loại hình quảng cáo <i>Direct Marketing—Other Direct Marketers—not elsewhere classified</i>
5965	Các loại hình quảng cáo <i>Direct marketing-combination catalog/retail merch</i>
5999	Đại lý phân phối kinh doanh hàng hóa <i>Miscellaneous and specialty retail stores</i>
7311	Quảng cáo <i>Advertising Services</i>
7399	Quảng cáo <i>Business Services (Not Elsewhere Classified)</i>

II - Danh sách MCC loại trừ tích điểm dành cho Thẻ ghi nợ quốc tế Woori Visa Classic/ MCC exclusion list of point accumulation for Woori Visa Classic Debit Card

Mã MCC/ MCC codes	Miêu tả/ Description
4900	Tiện ích - điện, gas, nước <i>Utilities-electric,gas,water</i>
5944	Cửa hàng vàng bạc đá quý <i>Jewelry Stores, Watches, Clocks, and Silverware Stores</i>